

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HATRA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HATRA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HATRA IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HATRA.EXIM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107741120

3. Ngày thành lập: 02/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 103 nhà J, khách sạn La Thành, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
4.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
5.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
6.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
7.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
8.	Sản xuất rượu vang	1102
9.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
10.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
11.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
12.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5621
13.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
14.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
15.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
16.	Bán buôn gạo	4631
17.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

18.	Cơ sở lưu trú khác	5590
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
20.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
21.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
22.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
23.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
24.	Sản xuất đường	1072
25.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ loại Nhà nước cấm)	0222
26.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
27.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
28.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
29.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
30.	Đại lý du lịch	7911
31.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
32.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
33.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh. (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	8299
35.	Sản xuất giống thủy sản	0323
36.	Khai thác gỗ (trừ loại Nhà nước cấm)	0221
37.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
38.	Khai thác thủy sản biển	0311
39.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
40.	Trồng lúa	0111
41.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
42.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
43.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
44.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
45.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
46.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
47.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690

48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán buôn đồ uống	4633
51.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
52.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
53.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
54.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
55.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
56.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
57.	Điều hành tua du lịch	7912
58.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ QUANG HUY	Cụm 6 thôn Phú Thịnh, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	015078000033	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
2	ĐỖ MẠNH HÙNG	Số 5, tổ 44, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	012931845	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000		
3	NGUYỄN MAI UYÊN	Số 179 phố Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	011942068	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ MẠNH HÙNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/11/1973*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012931845*

Ngày cấp: *09/02/2007*

Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 5, tổ 44, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 5, tổ 44, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*